

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CẤP SAU QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

S T T	Nội dung (Chủ đầu tư, tên dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định quyết toán		Tổng cộng kế hoạch 2026 điều chỉnh đến lần 7	trong đó		
				Số/ngày	Giá trị quyết toán		NSTT	XSKT	Đất
1	2	3	4	5	6	7	7.1	7.2	7.3
	Tổng số					99.398.956.787	22.509.000.000	13.565.000.000	63.324.956.787
I	VỐN THÀNH PHỐ								
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh								
1	Dự án Hệ thống cấp nước liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ	7863826	311	1395/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	1.846.417.551	256.464.000	256.464.000		
2	Dự án Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai	7650101	398	3176/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	263.838.923.000	2.307.629.000		2.307.629.000	
3	Dự án đầu tư kè sông Vàm Mương - Lòng Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch	7650614	292	3174/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	32.641.945.000	196.189.000	196.189.000		
4	Dự án Nâng cấp Bệnh viện huyện Chơn Thành	7714407	132	3487/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	24.306.335.000	1.872.920.000		1.872.920.000	
5	Dự án Xây dựng đường kết nối ngang QL14 với tuyến ĐT.755 nối ĐT.753	7858747	292	3179/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	92.477.767.858	2.047.857.858			2.047.857.858
6	Dự án Trạm y tế Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa	7650599	132	3539/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	5.916.205.000	84.449.000			84.449.000
7	Trường Cao đẳng Bình Phước	7839664	075	592/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	130.851.188.000	1.947.105.000		1.503.435.414	443.669.586
8	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	7858778	074	345/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	74.614.482.000	162.756.000			162.756.000
9	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	7853820	074	573/QĐ-UBND ngày 27/03/2026	13.885.677.100	347.895.000			347.895.000
10	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Đức, huyện Hớn Quản	7596899	283	413/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	1.658.906.000	17.297.000			17.297.000
11	Dự án Nâng cấp Bệnh viện huyện Chơn Thành	7714407	132	3487/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	24.306.335.000	78.520.000			78.520.000
12	Xây dựng mới tuyến đường nối Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành tới vị trí giao với ĐT 769	7025231	292	2347/QĐ-UBND ngày 30/06/2025	248.401.048.768	4.332.317.000			4.332.317.000

S T T	Nội dung (Chủ đầu tư, tên dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định quyết toán		Tổng cộng kế hoạch 2026 điều chỉnh đến lần 7	trong đó		
				Số/ngày	Giá trị quyết toán		NSTT	XSKT	Đất
1	2	3	4	5	6	7	7.1	7.2	7.3
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Khu vực 01								
1	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế phường Hiệp Hòa	8010655	132	Số 3394/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	1.971.872.000	257.870.000			257.870.000
1	Cải tạo sửa chữa trạm y tế phường Hồ Nai	8014002	132	601/QĐ-UBND ngày 04/6/2026	1.868.725.056	121.247.351			121.247.351
2	Cải tạo sửa chữa trạm y tế phường Bửu Hòa	8010654	132	731/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	2.986.702.383	43.339.846			43.339.846
3	Giải phóng mặt bằng thuộc dự án B.O.T đường ĐT 768 qua địa bàn thành phố Biên Hòa	7324504	292	Số 779/QĐ-UBND ngày 12/6/2026	548.389.000	548.389.000			548.389.000
4	Cải tạo sửa chữa trạm y tế phường Tân Tiến	8010652	132	514/QĐ-UBND ngày 01/6/2026	1.253.133.277	220.299.085			220.299.085
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Khu vực 02								
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	7723114	292	1528 ngày 17/4/2026	47.646.494.000	477.810.000			477.810.000
1	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong, Long Khánh	7343536	292	412/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai	120.889.528.257	635.990.000			635.990.000
	Ban Quản lý dự án Khu vực 03								
1	CT, NC đường Trảng Bom - Cây Gáo, huyện Trảng Bom, đoạn km0+000 đến km4+400 (cầu số 6) và đoạn km8+285 (cầu số 10) đến km13+000 (nhà tư Tân Lập)	7606838	292	783/QĐ-UBND, ngày 12/6/2026	121.089.676.346	6.289.676.346			6.289.676.346
	Ban Quản lý dự án Khu vực 04								
1	Đường một chiều từ chân đồi lên đỉnh đồi Núi Cúi	7766848		821/QĐ-UBND ngày 15/6/2026	9.698.459.000	975.532.000			975.532.000
2	Mở rộng đường từ Quốc lộ 20 vào trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi	7699749		768/QĐ-UBND ngày 12/6/2026	11.689.787.309	3.922.301.309			3.922.301.309
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực 05								
1	Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư và tái định cư tại xã Phước Tân (khu tái định cư Quốc lộ 1A đoạn tránh qua Thành phố Biên Hòa	7082508		3178/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	658.067.000	658.067.000	658.067.000		
2	Nạo vét và gia cố kè bờ suối Quán Thủ	7671106		1618/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	50.806.764.000	841.361.426			841.361.426
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực 06								
1	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương (đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (km 5+000) đến km27+400), huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	7853022		65/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	149.819.595.000	2.442.138.137	2.442.138.137		
2	Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch.	7853020		63/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	177.786.305.000	815.652.153	815.652.153		
1	Trường Tiểu học Phước An (Ấp Vũng Gấm), xã Phước An, huyện Nhơn Trạch	7585983	072	703/QĐ-UBND; 10/06/2026	52.960.983.439	888.686.590			888.686.590
2	Công viên cây xanh đối diện đền thờ Liệt sỹ, huyện Nhơn Trạch	7925175	312	701/QĐ-UBND; 10/06/2026	14.211.703.071	69.917.000			69.917.000
3	Cải tạo khuôn viên cây xanh Trụ sở UBND huyện	7925170	312	693/QĐ-UBND; 10/06/2026	3.568.058.897	486.858.897			486.858.897

S T T	Nội dung (Chủ đầu tư, tên dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định quyết toán		Tổng cộng kế hoạch 2026 điều chỉnh đến lần 7	trong đó		
				Số/ngày	Giá trị quyết toán		NSTT	XSKT	Đất
1	2	3	4	5	6	7	7.1	7.2	7.3
4	Nâng cấp mở rộng mặt đường và hệ thống thoát nước dọc đường Nguyễn Văn Ký, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	8126923	311	Số: 885/UBND; 17/06/2026	13.438.758.000	51.206.445			51.206.445
5	Nâng cấp sửa chữa đường và mương thoát nước dọc đường liên xã Hiệp Phước - Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	8038474	292	Số: 886/UBND; 17/06/2026	9.266.800.000	37.502.483			37.502.483
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực 07								
1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), huyện Xuân Lộc	7888896	280-292	3175/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	91.939.874.169	1.795.317.433	1.795.317.433		
1	Trường Tiểu Học Phù Đồng	7923630	072	695/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	36.861.738.070	1.253.841.486			1.253.841.486
2	Trường Tiểu Học Nguyễn Huệ	7923627	072	697/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	25.236.972.718	922.198.718			922.198.718
3	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc	8040043	132	726/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	7.411.589.000	181.589.000			181.589.000
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực 08								
1	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	7811418	292	1697/QĐ-UBND 16/10/2025	95.744.866.855	755.415.074	755.415.074		
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Mỹ	7967918	132	1636/QĐ-UBND 13/10/2025	9.918.140.000	918.140.000	918.140.000		
3	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường Long Giao - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ	7389669	292	3537/QĐ-UBND 31/12/2025	10.190.652.783	1.587.832.000			1.587.832.000
	Ban Quản lý dự án khu vực 10								
1	UBND huyện Định Quán (từ ngày 01/7/2025 chuyển giao cho Ban QLDA khu vực 10 - Tên dự án: Xây dựng đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi tỉnh lộ 763, huyện Định Quán	7773266	292	1652/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	87.455.762.000; trong đó phần BQLDA phụ trách: 52.193.892.000 đồng	1.102.490.000			1.102.490.000
2	UBND huyện Định Quán (từ ngày 01/7/2025 chuyển giao cho Ban QLDA khu vực 10 - Tên dự án: Nâng cấp và cải tạo Trạm y tế xã Phú Cường, huyện Định Quán	7972132	132	1648/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	4.799.709.000	110.132.000			110.132.000
	Ban Quản lý dự án khu vực 11								
1	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự huyện thành Trụ sở làm việc Huyện ủy Tân Phú	7674586	QLNN	1686/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	30.602.403.000	2.843.727.000			2.843.727.000
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng					0			
1	Dự án Trụ sở Huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	7597398	341	3180/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	117.051.707.000	6.309.229.000	6.309.229.000		
2	Dự án Trường Mầm non Long Phú, huyện Phú Riềng	7797910	071	3177/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	35.09.997.000	867.689.000		867.689.000	
3	Dự án Trường cấp II, III Long Phú, huyện Phú Riềng	7797908	073	3290/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	72.830.795.000	2.416.668.000		2.416.668.000	
4	Dự án Xây dựng cầu Long Tân - Tân Hưng kết nối 02 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	7808268	292	582/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	96.509.459.000	5.026.348.000	4.393.815.414	632.532.586	

S T T	Nội dung (Chủ đầu tư, tên dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định quyết toán		Tổng cộng kế hoạch 2026 điều chỉnh đến lần 7	trong đó		
				Số/ngày	Giá trị quyết toán		NSTT	XSKT	Đất
1	2	3	4	5	6	7	7.1	7.2	7.3
	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập								
1	Xây dựng đường ĐT 760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Phước Minh - Đa Kìa	7723167	292	3395/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	90.515.230.000	6.058.069.670			6.058.069.670
2	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	7858138	341	472/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	38.730.873.154	5.887.220.000			5.887.220.000
	Tên chủ đầu tư: Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai								
1	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai	7487005	9552.2	1662/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	21.647.673.000	128.914.731	128.914.731		
	Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai								
1	Dự án Đầu tư Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán, tỉnh Đồng Nai	7004913	283	5021/QĐ-BNNMT ngày 26/11/2025	222.271.846.986	310.613.606	310.613.606		
	Tên chủ đầu tư: Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao								
1	Dự án Sửa chữa, cải tạo Sân vận động tỉnh	7967491	9552.2	240/QĐ-STC ngày 13/6/2025	9.209.589.000	876.480.600	876.480.600		
	Tên chủ đầu tư: Sở Công Thương								
1	Nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin của Sở Công Thương	8109469		1625/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	2.296.634.000	47.931.490			47.931.490
	Tên chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch								
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án BOT đường 319 nối dài và nút giao thông đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây đoạn qua xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch (đợt 1)	7568038	223	3301/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	124.516.624.340	5.528.039.400			5.528.039.400
	Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Định Quán								
1	Xây dựng đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi tỉnh lộ 763, huyện Định Quán	7936914		1652/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	87.455.762.000	373.249.000			373.249.000
	Ban Quản lý rừng Phòng hộ Tân Phú								
1	Dự án Phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2016-2020			2930/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	14.699.568.000	166.237.000			166.237.000
II	VỐN THÀNH PHỐ (DỰ ÁN HUYỆN CŨ QUYẾT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TRƯỚC 01/7/2025)								
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực 01								
1	Xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa	8005494	072	3393/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	22.651.765.000	951.765.000		951.765.000	
2	Nâng cấp đường nối từ đường QL15 sang QL1 (đường Lưu Văn Việt), phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa	7019564	309	595/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	120.128.718.809	1.103.999.000	1.103.999.000		
3	Xây dựng mới đường vào Trường THCS Tân Hiệp, phường Tân Hiệp thành phố Biên Hòa	7019570	309	572/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	8.412.899.352	324.911.852	324.911.852		
4	Trường THCS Phước Tân 3	7713101	073	Số 1624/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	72.640.315.000	5.921.436.184			5.921.436.184

S T T	Nội dung (Chủ đầu tư, tên dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định quyết toán		Tổng cộng kế hoạch 2026 điều chỉnh đến lần 7	trong đó		
				Số/ngày	Giá trị quyết toán		NSTT	XSKT	Đất
1	2	3	4	5	6	7	7.1	7.2	7.3
5	Xây dựng, cải tạo Trường THCS Nguyễn Công Trứ	8014952	073	Số 1599/QĐ-UBND ngày 22/4/2026	22.459.395.438	909.395.438			909.395.438
1	Cải tạo, hoàn chỉnh vỉa hè đường Lê Thánh Tôn	7539328	309	956/QĐ-UBND ngày 19/6/2026	7.190.526.312	499.873.312			499.873.312
	Ban Quản lý dự án Khu vực 03								
1	Đường Trần Nhân Tông -TT.Trảng Bom (Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Hùng Vương)	8003754	292	749/QĐ-UBND, ngày 11/6/2026	7.241.718.000	172.016.000			172.016.000
2	XD mới đường dây cáp ngầm 22KV và TBA 3P-400KVA cấp điện cho TTVH&TCSK	8129156	312	774/QĐ-UBND, ngày 12/6/2026	986.052.028	177.869.165			177.869.165
3	XD mới nhà ăn, nhà bếp Ban chỉ huy quân sự huyện	7004686	011	776/QĐ-UBND, ngày 12/6/2026	3.578.316.000	57.792.000			57.792.000
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực 06								
1	Tuyển mương thoát nước hạ lưu chùa Ông ra kênh Bà Ký và tuyển mương thoát nước đường hẻm cạnh quán café sân vườn.	8037906	292	1327/QĐ-UBND ngày 02/04/2026	7.835.329.000	54.794.007			54.794.007
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực 08								
1	Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)	7950099	309	423/QĐ-UBND 28/6/2025	6.981.466.000	63.211.000	63.211.000		
2	Đường D13 (Đoạn N10-N16)	7903517	309	402/QĐ-UBND 28/6/2026	4.407.672.000	31.565.000	31.565.000		
1	Đường dân sinh và mương thoát lũ dọc đường Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ	7656172	292	1854/QĐ-UBND 23/10/2025	14.332.468.670	666.359.000	666.359.000		
2	Xây dựng mới nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị trấn Long Giao	8030992	341	2484/QĐ-UBND 03/11/2025	4.161.079.000	27.757.000	27.757.000		
3	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Hoà Bình	7955229	341	2485/QĐ-UBND 03/11/2025	14.962.305.000	462.305.000		462.305.000	
4	Xây dựng nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Xuân Đông	8030990	341	2486/QĐ-UBND 03/11/2025	2.624.042.000	124.042.000	124.042.000		
5	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Ngô Quyền	7930178	73	3538/QĐ-UBND 31/12/2025	51.123.077.000	1.084.307.000		1.084.307.000	
6	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San	7821997	341	3173/QĐ-UBND 18/12/2025	4.438.443.000	280.327.000	280.327.000		
7	Xây dựng nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Nhân Nghĩa	8030991	341	3420/QĐ-UBND 31/12/2025	2.197.002.000	30.392.000	30.392.000		
8	Nâng Cấp Đường Cọ Dầu 2 - Suối Lức	7748896	309	271/QĐ-UBND; 28/4/2025	9.147.563.000	108.534.000			108.534.000
9	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Nguyễn Hữu Cánh	7951889	073	848/QĐ-UBND 09/3/2026	32.114.891.000	619.293.000			619.293.000
10	Xây mới Trường mầm non Xuân Bảo (Phân hiệu)	7955230	071	1853/QĐ-UBND 23/10/2025	17.829.836.492	831.455.492			831.455.492
11	Xây dựng trường mầm non Long Giao	7769161	071	1598/QĐ-UBND 22/4/2026	23.527.183.000	252.593.000			252.593.000
12	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Lý Tự Trọng	7950729	072	303/QĐ-UBND 14/5/2025	14.650.571.000	1.976.000			1.976.000
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực 10								
1	Xây dựng công viên cây xanh đồi 112, thị trấn Định Quán	7979262	285	471/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	11.311.279.000	1.211.060.000		1.211.060.000	

S T T	Nội dung (Chủ đầu tư, tên dự án)	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định quyết toán		Tổng cộng kế hoạch 2026 điều chỉnh đến lần 7	trong đó		
				Số/ngày	Giá trị quyết toán		NSTT	XSKT	Đất
1	2	3	4	5	6	7	7.1	7.2	7.3
2	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Lê Lợi)	7918445	292	771/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	10.260.530.000	212.448.000		212.448.000	
3	Đường Phú Lợi - Phú Hòa (Hạng mục: Mương thoát nước đoạn từ Km0+400 đến Km0+900)	8040542	292	578/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	7.751.552.000	42.241.000		42.241.000	
4	Trụ sở Ban chỉ huy quân dự huyện Định Quán	7723113	011	791/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	88.273.640.000	133.955.000			133.955.000
5	Xây dựng khối nhà làm việc MTTQ các đoàn thể chính trị - xã hội xã Phú Ngọc	7946489	341	525/QĐ-UBND ngày 05/02/2026	4.615.810.000	386.533.000			386.533.000
	Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long								
1	Đầu tư, nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng đường Nguyễn Tấn Thành (đoạn từ ngã 3 bên xe Phước Long đến ngã 4 đường vào mặt bằng)	8133518		583/QĐ-UBND 10/02/2026	2.325.522.082	139.670.461			139.670.461
2	Trang bị phòng học vi tính cho các trường TH Lê Hồng Phong, TH Trần Hưng Đạo, TH Phước Tín A, TH Chu Văn An, THCS Thác Mơ	8143814		1393/QĐ-UBND 08/04/2026	2.963.079.245	145.477.250			145.477.250
3	Đầu tư trang bị hệ thống phẫu thuật nội soi	8143138		1397/QĐ-UBND 08/04/2026	3.773.674.000	500.000			500.000
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khu phố Sơn Long, phường Sơn Giang	8041137		1102/QĐ-UBND 28/06/2025	2.073.343.098	25.159.775			25.159.775
5	Xây dựng bờ kè chống sạt lở đường 6/1 (đoạn từ tượng đài Chiến thắng đến cầu Đắc Lung)	8111041		1596/QĐ-UBND ngày 22/04/2026	2.291.874.061	110.800.834			110.800.834
6	Đầu tư công viên phường Long Thủy	7998756		1595/QĐ-UBND 22/04/2026	7.403.196.946	358.244.790			358.244.790
7	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Môi Nước phường Sơn Giang	7993766		1696/QĐ-UBND 29/04/2026	5.652.733.835	299.984.835			299.984.835
	Ban Quản lý dự án Khu vực Bù Đốp								
1	Xây dựng chợ biên giới xã Phước Thiện	8051461	072	1353/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	6.488.486.841	280.230.204			280.230.204
	Ban Quản lý dự án Khu vực Bù Gia Mập								
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Đa Kì (Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy)	8078181	341	1610/QĐ-UBND ngày 30/06/2025	2.543.013.820	97.765.062			97.765.062
2	Xây dựng đường N18 nối dài (thuộc dự án Các tuyến đường giao thông, vỉa hè, thoát nước khu dân cư (khu phía tây và khu II) trung tâm HC huyện Bù Gia Mập)	7476349	292	1613/QĐ-UBND ngày 30/06/2025	2.508.975.843	17.712.853			17.712.853
3	Xây dựng 20 phòng lầu trường THCS Đăk Ô, xã Đăk Ô	7945463	73	1614/QĐ-UBND ngày 30/06/2025	13.675.688.007	112.245.544			112.245.544
4	Nâng cấp mở rộng đường ĐH.09 (từ ĐT.741 đi xã Đức Hạnh)	7965723	292	411/QĐ-UBND ngày 26/05/2025	21.909.376.350	1.209.376.350			1.209.376.350
5	Dự án xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	7996856	341	619/QĐ-UBND ngày 11/02/2026	74.872.372.148	954.967.245			954.967.245